

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Khoa học vật liệu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên người đăng ký: Trần Năm Trung
- Ngày tháng năm sinh: 18/07/1982; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
- Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
- Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, Phú Thọ
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): tổ 44, KV 5, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Trường Đại học Quy Nhơn, 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0987045682;
E-mail: trannamtrung@qnu.edu.vn
- Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
Từ 09/2004 đến 06/2010: Giáo viên hướng dẫn thực hành tại Trung tâm Thí nghiệm – Thực hành, Trường Đại học Quy Nhơn
Từ 09/2006 đến 08/2008: Học viên cao học tại Khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
Từ 07/2010 đến 02/2019: Giảng viên tại Khoa Vật lý, Trường Đại học Quy Nhơn
Từ 09/2012 đến 08/2017: Nghiên cứu sinh tại Đại học Quốc gia Chungnam, Hàn Quốc
Từ 09/2018 đến 12/2018: Nghiên cứu sau tiến sĩ tại Trường Đại học Qatar, Qatar
Từ 03/2019 đến 02/2024: Phó Trưởng phòng tại Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Quy Nhơn
Từ 12/2020 đến 05/2021: Nghiên cứu sau tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Chungnam, Hàn Quốc
Từ 10/2022 đến 12/2022: Nghiên cứu ngắn hạn tại Đại học Twente, Hà Lan
Từ 03/2024 đến 06/2025: Giảng viên tại Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Quy Nhơn
Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng phòng
Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Quy Nhơn
Địa chỉ cơ quan: 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại cơ quan: 02563846833
Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...
Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):
Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):
9. Trình độ đào tạo:
- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 12 tháng 10 năm 2004, số văn bằng: C0611424, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Sư phạm Vật lý
Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Quy Nhơn
- Được cấp bằng ThS [4] ngày 17 tháng 03 năm 2009, số văn bằng: 5158/A052839, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý chất rắn
Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
- Được cấp bằng TS [5] ngày 25 tháng 08 năm 2017, số văn bằng: D-6530, ngành: Kỹ thuật vật liệu, chuyên ngành: Khoa học và kỹ thuật vật liệu
Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Quốc gia Chungnam, Hàn Quốc
10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...
11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Quy Nhơn
12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý
13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:
- Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu tổng hợp và biến tính vật liệu thấp chiều trên cơ sở kim loại chuyển tiếp định hướng tăng cường hoạt tính quang điện hóa.
- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu phát triển điện cực xúc tác dựa trên tổ hợp cấu trúc vật liệu hai chiều định hướng ứng dụng trong sản xuất hydro xanh.
- Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu chế tạo cấu trúc lai hóa hai chiều trên cơ sở graphene, kim loại chuyển tiếp chalcogenides định hướng ứng dụng trong linh kiện bán dẫn thế hệ mới.
14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:
- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 7 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Nhà nước; 1 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 26 bài báo khoa học, trong đó 17 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0
15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Trường Đại học Quy Nhơn	2022
2	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Trường Đại học Quy Nhơn	2023
3	Giấy khen của Hiệu trưởng	Trường Đại học Quy Nhơn	2024

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Ứng viên luôn chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy định, nội quy, quy chế của nhà trường và đơn vị; có tư tưởng, phẩm chất đạo đức tốt, luôn tận tâm với nghề; giữ gìn uy tín, phẩm chất, danh dự của nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp và người học; liêm chính, trung thực, công bằng và khách quan trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Ứng viên nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng sư phạm; giảng dạy và giáo dục theo đúng mục tiêu, thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng của chương trình giáo dục, truyền đạt đầy đủ kiến thức, kỹ năng cho người học; hợp tác, chia sẻ tri thức, kinh nghiệm với đồng nghiệp; tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào công tác giảng dạy; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 20 năm 9 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020			1			75	75/170/81
2	2020-2021			1			45	45/122/81
3	2021-2022			1		45	97.5	142.5/251/81
03 năm học cuối								
4	2022-2023			1		45	60	105/191/81
5	2023-2024			2		45	82.5	127.5/277/81
6	2024-2025			1		120	82.5	202.5/333.6/81

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Hàn Quốc năm 2017

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): A, TOEIC

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSN T	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/CK 2/BSN T	Chính	Phụ			
1	Phạm Thị Minh Hương		X	X		12/2018 đến 09/2019	Trường Đại học Quy Nhơn	01/11/2019
2	Nguyễn Thị Minh Thục		X	X		12/2019 đến 10/2020	Trường Đại học Quy Nhơn	16/11/2020
3	Hà Văn Thanh		X	X		12/2020 đến 12/2021	Trường Đại học Quy Nhơn	31/12/2021
4	Võ Thị Mỹ Phượng		X	X		12/2021 đến 08/2022	Trường Đại học Quy Nhơn	02/12/2022
5	Trần Thị Yến Ngọc		X	X		04/2023 đến 11/2023	Trường Đại học Quy Nhơn	01/02/2024
6	Huỳnh Quang Lâm		X	X		04/2023 đến 11/2023	Trường Đại học Quy Nhơn	01/02/2024
7	Nguyễn Mạnh Cường		X	X		04/2024 đến 12/2024	Trường Đại học Quy Nhơn	14/01/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/T K	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Chế tạo và nghiên cứu tính chất huỳnh quang của bột ZnS có cấu trúc nano	CN	T2010.281.2 1, cấp Cơ sở	26/04/2010 đến 06/01/2011	15/01/2011/Tốt
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
2	Nghiên cứu chế tạo các cấu trúc dị thể ba chiều MoS2/ôxít kim loại nhằm nâng cao hiệu suất quang điện hóa trong phản ứng tách hydro	CN	103.02-2018.329, cấp Nhà nước	18/03/2019 đến 29/12/2022	18/06/2023/ Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	A novel route for obtaining Ni ₃ [Cr(CN) ₆] ₂ nanoparticles	4	Có	APCTP–ASEAN Workshop on Advanced Materials Science and Nanotechnology (AMSN2008)/ISBN: 978-90-9023470			967-970	09/2008
2	Synthesis and characterization of RbxMn[Fe(CN)]	4	Không	Communications in Physics /ISSN: 0868-3166		2	21, 1, 19-24	03/2011

	6] and Mn ₃ [Cr(CN) ₆] ₂							
3	Preparation and characterisation of silver-doped ZnO nanostructures	5	Không	International Journal of Nanotechnology /ISSN: 1475-7435	WoS - SCIE IF: 1.276, Q4	7	10, 3/4, 260-268	04/2013
4	Inductively-coupled plasma chemical vapor growth characteristics of graphene depending on various metal substrates	3	Không	Korean Journal of Materials Research /ISSN: 2287-7258	WoS - ESCI IF: 0.3, Q4		24, 12, 694-699	12/2014
5	Ni ₂ O ₃ Decoration of WO ₃ thin film for high sensitivity NH ₃ gas sensor	9	Không	Materials Transactions /ISSN: 1347-5320	WoS - SCIE IF: 1.2, Q2	17	56, 9, 1354-1357	09/2015
6	Understanding the growth kinetics of graphene on Cu and Fe ₂ O ₃ using inductively-coupled plasma chemical vapor deposition	5	Không	Applied Microscopy /ISSN: 2287-4445	Scopus - Scopus IF: Q3	5	47 13-18	03/2017
7	Direct and self-selective synthesis of Ag nanowires on patterned graphene	3	Có	RSC Advances /ISSN: 2046-2069	WoS - SCIE IF: 3.108, Q1	14	7, 28, 17325-17331	03/2017
8	Polyol synthesis of ultrathin and high-aspect-ratio Ag nanowires for transparent conductive films	4	Có	Materials Letters /ISSN: 0167-577X	WoS - SCIE IF: 2.687, Q2	42	194 66-69	05/2017
9	Simple and reliable lift-off patterning approach for graphene and	6	Có	ACS Applied Materials & Interfaces /ISSN: 1944-8244	WoS - SCIE IF: 8.097, Q1	40	7, 28, 17325-17331	06/2017

	graphene–Ag nanowire hybrid films							
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
10	Enhanced photoelectrochemical activity in the heterostructure of vertically aligned few-layer MoS ₂ flakes on ZnO	5	Có	Electrochimica Acta /ISSN: 0013-4686	WoS - SCIE IF: 5.383, Q1	74	156 150-156	01/2018
11	Conformal growth of few-layer MoS ₂ flakes on closely-packed TiO ₂ nanowires and their enhanced photoelectrochemical reactivity	5	Không	Journal of Alloys and Compounds /ISSN: 0925-8388	WoS - SCIE IF: 4.650, Q1	32	770 686-691	01/2019
12	Ex-situ and in-situ synthesis of Fe-doped TiO ₂ nanorods array with enhanced photoelectrochemical activity	5	Có	The 7th International Workshop on Nanotechnology and Application (IWNA 2019)			415-418	11/2019
13	Elucidating the mechanism for the chemical vapor deposition growth of vertical MoO ₂ /MoS ₂ flakes toward photoelectrochemical applications	3	Có	Applied Surface Science /ISSN: 0169-4332	WoS - SCIE IF: 6.707, Q1	29	505, 144551, 1-6	03/2020

14	Novel high-k gate dielectric properties of ultrathin hydrocarbon films for next-generation metal-insulator-semiconductor devices	7	Không	Carbon /ISSN: 0008-6223	WoS - SCIE IF: 9.594, Q1	10	158 513-518	03/2020
15	Plasmonic Ag-decorated few-layer MoS2 nanosheets vertically grown on graphene for efficient photoelectrochemical water splitting	8	Không	Nano-Micro Letters /ISSN: 2150-5551	WoS - SCIE IF: 16.419, Q1	55	12, 172, 1-14	08/2020
16	Controllable low-temperature growth and enhanced photoelectrochemical water splitting of vertical SnS2 nanosheets on graphene	4	Không	Electrochimica Acta /ISSN: 0013-4686	WoS - SCIE IF: 6.901, Q1	19	364 137164	12/2020
17	Improved photoelectrochemical performance of MoS2 through morphology-controlled chemical vapor deposition growth on graphene	4	Không	Nanomaterials /ISSN: 2079-4991	WoS - SCIE IF: 5.076, Q1	16	11, 6, 1585	06/2021
18	Facial synthesis and efficient photoelectrochemical reaction of WO3/WS2 core@shell nanorods utilizing WO3·0.33H2O phase	5	Không	Journal of Alloys and Compounds /ISSN: 0925-8388	WoS - SCIE IF: 6.371, Q1	25	888 161587	12/2021

19	Controllable synthesis of □-Fe ₂ O ₃ nanorods toward photoelectrochemical applications	5	Có	Vietnam Journal of Catalysis and Adsorption /ISSN: 0866-7411			10, 1, 112-116	01/2022
20	Effect of in-situ Fe doping on the visible light photoelectrochemical activity of TiO ₂ nanorods	3	Có	Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering /ISSN: 2525-2461	- ACI	1	64, 2, 10-15	06/2022
21	Ảnh hưởng của nồng độ pha tạp Sn lên tính chất quang điện hóa của vật liệu thanh nano Fe ₂ O ₃	5	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc lần thứ XII (SPMS2021) /ISBN: 978-604-316-838-9			2 739-743	08/2022
22	Nghiên cứu chế tạo hệ vật liệu đơn lớp phân tử diazonium trên nền graphite bằng phương pháp cấy ghép điện hóa	7	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam /ISSN: 1859 -4794			64, 11, 44-47	11/2022
23	Understanding the doping mechanism of Sn in TiO ₂ nanorods toward efficient photoelectrochemical performance	5	Có	Journal of Materials Science /ISSN: 0022-2461	WoS - SCIE IF: 4.5, Q1	9	58 2156–2169	01/2023
24	Electrochemical grafting assisted modification of graphite surface by 3,4,5-trimethoxybenzenediazonium based monolayer	5	Không	Vietnam Journal of Catalysis and Adsorption /ISSN: 0866-7411			12, 2, 61-64	06/2023
25	Efficient heterostructure of MoS ₂ /Ti-doped Fe ₂ O ₃	4	Có	Materials Letters /ISSN: 0167-577X	WoS - SCIE IF: 3.0, Q2	1	341 134301	06/2023

	nanorods for high-performance photoelectrochemical activity							
26	Ảnh hưởng của xử lý nhiệt trong quy trình chuyển màng Graphene từ phôi Cu lên đế SiO2/Si định hướng ứng dụng trong thiết bị điện tử nano	3	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc lần thứ XIII (SPMS2023) /ISBN: 978-604-316-838-9			2 416-420	11/2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 4 ([10] [13] [23] [25])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 0 / []

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

T T	Chương trình đào tạo, chương trình	Vai trò UV	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
-----	------------------------------------	------------	--	--------------	---------------------------------	---------

	nghiên cứu ứng dụng KHCN	(Chủ trì/ Tham gia)		định, đưa vào sử dụng		
1	Dự án Nâng cấp Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quy Nhơn để được gia nhập Hệ thống trích dẫn Đông Nam Á - ACI	Tham gia	Quyết định số 2876/QĐ-ĐHQN ngày 16/10/2019 về việc thành lập Tổ viết Dự án nâng cao chất lượng Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quy Nhơn	Trường Đại học Quy Nhơn	Quyết định số 201/QĐ-BGDDT ngày 21/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt các dự án khoa học và công nghệ về nâng cao chất lượng tạp chí khoa học năm 2020	Dự án đã triển khai và nghiệm thu
2	Chương trình hợp tác thể chế đại học (IUC)	Tham gia	Quyết định số 172/QĐ-ĐHQN ngày 17/01/2022 về việc thành lập Tổ xây dựng hồ sơ dự án quốc tế IUC 2022-Giai đoạn Phase-1 năm 2022	Trường Đại học Quy Nhơn	Quyết định số 1678/QĐ-BGDĐT ngày 16/06/2023 về việc phê duyệt khoản viện trợ chương trình hợp tác thể chế đại học (IUC) Giai đoạn 1 với Trường Đại học Quy Nhơn	Chương trình IUC đang triển khai
3	Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Vật lý Kỹ thuật	Tham gia	Quyết định số 09/QĐ-ĐHQN ngày 02/01/2025 về việc thành lập Hội đồng xây dựng Chương trình đào tạo	Trường Đại học Quy Nhơn	Quyết định số 1697/QĐ-ĐHQN ngày 16/6/2025 Mở ngành Vật lý Kỹ thuật, chuyên ngành Công nghệ gia công, đóng gói và	Chương trình đào tạo đang triển khai thực hiện

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UỶV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UỶV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UỶV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UỶV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UỶV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UỶV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

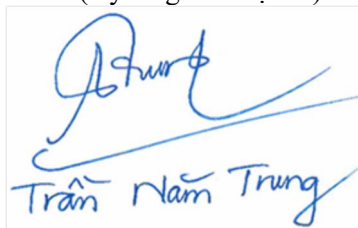
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

tỉnh Bình Định, ngày 25 tháng 06 năm 2025

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Năm Trung